

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011
(ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(*Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam*)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011
(ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIÊM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Trực	Chủ tịch	(bỗn nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2011)
Ông Đặng Minh Phong	Phó Chủ tịch	(bỗn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2011)
Ông Nguyễn Duyên Cường	Thành viên	(bỗn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2011)
Ông Hồ Quyết Thắng	Thành viên	(bỗn nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2011)
Ông Đặng Minh Khôi	Thành viên	(bỗn nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2011)
Ông Võ Tân Phong	Thành viên	(bỗn nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2011, miễn nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Cường	Tổng Giám đốc	(bỗn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2011)
Ông Nguyễn Mạnh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	(bỗn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2011)
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Phó Tổng Giám đốc	(bỗn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2011)
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	(bỗn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2011)
Ông Hạng Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	(bỗn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2011)
Ông Nguyễn Quý Nhân	Phó Tổng Giám đốc	(bỗn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính từng giai đoạn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kê toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *TG*



Nguyễn Duyên Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Số: 1031 /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 34. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec tại ngày 18 tháng 5 năm 2011. Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến 18 tháng 5 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 2 tháng 11 năm 2011.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau :

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái theo VAS 10, lỗ trước thuế của Công ty cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng 10.748.496.413 đồng và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ ghi có một khoản tương ứng.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, chúng tôi muốn lưu ý đến vấn đề vốn chủ sở hữu của Công ty thuộc sở hữu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ghi nhận giá trị tương ứng với giá trị tài sản cố định đánh giá lại là 38.194.089.398 đồng của Xí nghiệp Xăng dầu Cát Lái. Tuy nhiên, tài sản này thuộc đồng sở hữu của Công ty và Bộ tư lệnh Hải quân theo hợp đồng liên doanh số 56/HĐKT ngày 20 tháng 11 năm 1991. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty, Bộ Tư Lệnh Hải quân và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa thống nhất hướng xử lý khoản chênh lệch tăng thêm này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, thực hiện theo Quyết định số 3080/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thành công ty cổ phần với vốn điều lệ là 2.600.000.000.000 đồng, kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động theo Luật doanh nghiệp dưới hình thức công ty cổ phần. Theo đó kỳ kế toán cuối cùng của Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec được khóa sổ vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 và đã bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho mục đích cổ phần hóa.

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc xác định phần vốn nhà nước tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 do Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần chưa có biên bản xác định phần vốn nhà nước tại ngày này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chi nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Đây là báo cáo tài chính riêng nên Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo phương pháp giá gốc.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.666.042.310.336
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	869.570.196.533
1. Tiền	111		817.270.196.533
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.300.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.444.690.256.909
1. Phải thu khách hàng	131	6	3.207.630.654.014
2. Trả trước cho người bán	132	7	30.824.252.176
3. Các khoản phải thu khác	135	8	210.242.090.001
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(4.006.739.282)
III. Hàng tồn kho	140	9	1.012.025.664.852
1. Hàng tồn kho	141		1.012.025.664.852
Trong đó: hàng dự trữ quốc gia			159.943.667.574
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		339.756.192.042
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.068.437.872
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		335.939.968.768
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.747.785.402
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.498.006.481.239
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.550.196.268
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		2.550.196.268
II. Tài sản cố định	220		816.069.313.156
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	488.025.624.901
- Nguyên giá	222		640.196.288.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(152.170.663.921)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	234.604.540.490
- Nguyên giá	228		234.915.761.346
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311.220.856)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	93.439.147.765
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		375.340.031.634
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	99.591.883.649
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	84.709.187.916
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	212.211.160.069
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(21.172.200.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		304.046.940.181
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	304.046.940.181
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.164.048.791.575

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.782.267.176.349
I. Nợ ngắn hạn	310		4.548.626.103.145
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	1.782.196.696.484
2. Phải trả người bán	312	18	2.576.249.255.480
3. Người mua trả tiền trước	313		1.445.042.998
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	139.828.150.527
5. Phải trả người lao động	315		13.608.097.733
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	26.840.885.973
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.457.973.950
II. Nợ dài hạn	330		233.641.073.204
1. Phải trả dài hạn khác (quỹ dự trữ quốc gia)	333	21	159.943.667.574
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.616.130.000
3. Quỹ bình ổn xăng dầu	340	22	72.081.275.630
B. NGUỒN VỐN	400		2.381.781.615.226
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	2.381.781.615.226
1. Vốn điều lệ	411		2.488.774.701.456
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(10.748.496.413)
3. Lỗ lũy kế	420		(96.244.589.817)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.164.048.791.575

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

- | | |
|--|-----------------|
| 1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | 223.560.950.738 |
| 2. Ngoại tệ các loại | |
| USD | 589.156 |
| EUR | 59.301 |
| SGD | 491 |



Nguyễn Duyên Cường
 Tổng Giám đốc
 Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Huỳnh Đức Trường
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.881.819.052.726
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	25	17.881.819.052.726
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	(17.611.364.533.866)
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		270.454.518.860
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	39.946.150.152
6. Chi phí tài chính	22	30	(185.153.800.296)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(115.547.741.759)
7. Chi phí bán hàng	24		(133.667.509.753)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(78.869.969.233)
9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(87.290.610.270)
10. Thu nhập khác	31		3.977.749.055
11. Chi phí khác	32		(6.134.579.897)
12. Lỗ khác	40	31	(2.156.830.842)
13. Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(89.447.441.112)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	-
15. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	33	<u>(89.447.441.112)</u>
16. Lỗ lưu ^{đã} bàn trên cổ phiếu	70	34	<u>(620)</u>



Nguyễn Duyên Cường
 Tổng Giám đốc
 Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Huỳnh Đức Trường
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011
I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01		(89.447.441.112)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Kháu hao tài sản cố định	02		20.492.533.808
Các khoản dự phòng	03		25.178.939.282
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.973.027.131)
Chi phí lãi vay	06		115.547.741.759
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		65.798.746.606
Biển động các khoản phải thu	09		(695.619.208.372)
Biển động hàng tồn kho	10		341.941.732.027
Biển động các khoản phải trả	11		(603.136.216.027)
Biển động chi phí trả trước	12		17.095.396.239
Tiền lãi vay đã trả	13		(115.547.741.759)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.770.507.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(992.237.799.268)
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(154.553.944.436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		1.730.504.404
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.074.620.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.651.996.983
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(157.246.063.049)
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông	31		387.984.931.288
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.826.798.183.436
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.195.579.359.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.019.203.755.396
Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn	50		869.719.893.079
Tiền và tương đương tiền đầu giai đoạn	60		-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(149.696.546)
Tiền và tương đương tiền cuối giai đoạn	70		869.570.196.533

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VNĐ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn không bao gồm 42.047.461.541 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong giai đoạn mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư dài hạn trong giai đoạn không bao gồm 4.601.334.810 đồng là giá trị khoản đầu tư dài hạn dưới hình thức hợp đồng liên kết đầu tư (không hình thành pháp nhân mới) với Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu băng tài sản. Vì vậy, một khoản tài sản tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ.

Trong giai đoạn, Công ty tiếp nhận vốn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) bằng tăng nguyên giá, khấu hao lũy kế của tài sản cố định, các khoản phải thu, hàng tồn kho, chi phí trả trước và đầu tư dài hạn với giá trị tương ứng là 794.322.165.745 đồng, 143.641.293.599 đồng, 3.095.022.920.388 đồng, 1.353.967.396.879 đồng, 323.210.774.292 đồng và 373.781.265.707 đồng tương ứng tăng nợ phải trả 3.695.873.459.244 đồng và tăng vốn 2.100.789.770.168 đồng. Đây là các nghiệp vụ không phải băng tiền, vì vậy không được trình bày trong báo cáo trên.



Nguyễn Duyên Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Huỳnh Đức Trường
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư.

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 3076/BB-DKVN được phê duyệt bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định Giá Miền Nam và Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thì giá trị của Công ty được xác định cho mục đích cổ phần hóa là 2.606.204.995.730 đồng vào thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Quyết định số 3080/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thành công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 2.600.000.000.000 đồng. Công ty được cổ phần hóa vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 và trở thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, và giấy Chứng nhận điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định thời điểm chính thức hoạt động của công ty cổ phần và cũng là thời điểm chuyển giao tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư trước đây sang công ty cổ phần là từ ngày 18 tháng 5 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hải Phòng;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Thanh Hóa;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Bắc Giang;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Thái Bình;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Nam Định;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Bình Định;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Quảng Ngãi;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Quảng Trị;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Quảng Nam;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Thừa Thiên Huế;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hòa Hiệp Đà Nẵng;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Cần Thơ;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Trà Vinh;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Cát Lái;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Tây Ninh;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Bạc Liêu;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Vĩnh Long;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Petec Cái Mép;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Sài Gòn;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Ninh Thuận;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Long An;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Hậu Giang;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Cà Mau;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Bình Thuận;
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Vũng Tàu;
- Cửa hàng xăng dầu thứ 2 – Petec Long An;
- Cửa hàng xăng dầu thứ 3 – Petec Long An;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

- Cửa hàng xăng dầu thứ 4 – Petec Long An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 631 người.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh xăng dầu (bao gồm xuất nhập khẩu, tổ chức kinh bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm dầu mỏ khác); Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lè, các loại vật tư, nguyên liệu, phân bón, phương tiện vận tải và các mặt hàng tiêu dùng khác; Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thuỷ, hải sản; Cung cấp dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác); Các hoạt động liên doanh, liên kết : kho cảng, ngân hàng, bảo hiểm, cây xăng, kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp ...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập cho mục đích trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên của Công ty được lập cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 36.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lối thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5-15
Máy móc và thiết bị	6-15
Phương tiện vận tải	3-15
Thiết bị văn phòng	3-15
Tài sản cố định khác	25

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì Công ty trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đối với quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 50% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc và trừ các khoản dự phòng giảm giá.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu hay là đầu tư góp vốn với tư cách là cổ đông sáng lập với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật và các khoản đầu tư dài hạn khác nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp vào thời điểm 30 tháng 6 năm 2010 là thời điểm có quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp (bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê và giá trị thương hiệu). Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa doanh nghiệp.

Chi phí trả trước dài hạn khác là: tiền thuê đất dài hạn thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê; sửa chữa văn phòng làm việc, sửa chữa tài sản, chi phí logo bảng hiệu và công cụ dụng cụ khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 2 đến 5 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamCho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi
loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lỗ trước thuế của Công ty cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 10.748.496.413 đồng và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ ghi nợ một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá (BOG) xăng dầu được Công ty trích và sử dụng căn cứ vào các văn bản quy định của Bộ Tài chính cho lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ. Trong đó, số trích được ghi nhận tăng giá vốn hàng bán và số sử dụng được ghi giảm giá vốn hàng bán, cụ thể như sau :

- Từ ngày 19/5/2011 đến ngày 09/6/2011, mức trích quỹ BOG cho xăng là 300 đồng/lít; Diézen là 300 đồng/lít; Ma dút là 300 đồng/kg (công văn số 98/BTC-QLG ngày 24/02/2011).
- Từ ngày 10/6/2011 đến trước 21h ngày 26/8/2011, mức trích quỹ BOG cho xăng là 400 đồng/lít; Diézen là 300 đồng/lít; Ma dút là 300 đồng/kg (công văn số 176/BTC-QLG ngày 09/6/2011).
- Từ 21h ngày 26/8/2011 đến trước 12h ngày 28/11/2011, mức trích quỹ BOG cho xăng là 300 đồng/lít; Diézen là 300 đồng/lít; Ma dứt là 300 đồng/kg (công văn số 225/TB-BTC ngày 26/8/2011).
- Từ 12h ngày 28/11/2011 đến trước 15h ngày 26/12/2011, mức trích quỹ BOG cho xăng là 550 đồng/lít; Diézen là 300 đồng/lít; Ma dứt là 300 đồng/kg. Mức sử dụng quỹ BOG cho Diézen là 1.000 đồng/lít; Ma dứt là 950 đồng/kg (Công văn số 327/TB-BTC ngày 28/11/2011).
- Từ 15h ngày 26/12/2011 đến ngày 31/12/2011, mức trích quỹ BOG cho xăng là 300 đồng/lít; Diézen là 300 đồng/lít; Ma dứt là 300 đồng/kg. Mức sử dụng quỹ BOG cho Diézen là 690 đồng/lít; Ma dứt là 740 đồng/kg (Công văn số 411/TB-BTC ngày 26/12/2011).

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thặng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

31/12/2011
VND

Tiền mặt	607.385.758
Tiền gửi ngân hàng	816.662.810.775
Các khoản tương đương tiền	52.300.000.000
	869.570.196.533

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn dưới một tháng. Khoản ký gửi ngắn hạn này hưởng lãi suất 4, 5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

31/12/2011
VND

Công ty TNHH MTV Thương mại Nghiên Liệu HDSG	394.599.802.300
Công ty Cổ phần Thương mại Nghiên Liệu Cửu Long	137.021.096.052
Công ty Cổ phần Xăng dầu Hồng Quốc Lộc	130.525.096.634
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	117.360.358.947
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất Đốt Miền Bắc	109.880.917.081
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiên Phong	105.169.000.000
Công ty Cổ phần Cà Phê PETEC	102.931.695.278
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Vũ Anh	98.356.352.819
Công ty Cổ phần Vật tư xăng dầu Bình Thuận	98.109.521.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	88.404.078.629
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại & Công nghiệp PETEC	85.643.302.669
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hải Bình	79.836.516.311
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc Tế Việt Nam	72.708.298.311
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa	69.806.345.060
Công ty TNHH Dầu khí BITEXCO - chi nhánh Miền Nam	66.637.676.600
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cầm Giờ TPHCM	64.855.989.145
Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau	61.084.317.653
Công ty Cổ phần Kho vận PETEC	60.110.866.184
Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xăng dầu - Vinacomin	59.382.000.000
Công ty Cổ phần Nông sản Agrexim	54.595.708.813
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu PETEC	51.913.369.742
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	48.854.353.143
Công ty Cổ phần Thương Mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	48.062.181.501
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng Dầu COMECO	43.133.501.150
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu	38.416.232.291
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy	37.690.171.234
Công ty Cổ phần PETEC Bình Định	34.999.287.273
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	33.125.667.161
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xăng dầu Đinh Vũ	32.282.824.073
Công ty Cổ phần Song Phát	30.779.673.583
Khách hàng khác	751.354.453.377
Dự phòng phải thu khó đòi	3.207.630.654.014
	(4.006.739.282)
	3.203.623.914.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

31/12/2011
VND

Công ty TNHH Chế biến trà Trân Nam Việt	11.272.300.000
DNTN XD Liên Tân	2.000.000.000
DNTN Tam Lộc	4.900.000.000
DNTN Tân Hiệp Lợi	3.202.738.122
Cửa hàng Xăng dầu Vạn Thọ	2.925.573.000
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (MACHINO)	1.166.545.000
Nhà cung cấp khác	5.357.096.054
	30.824.252.176

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

31/12/2011
VND

Phải thu Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam (1)	169.785.513.359
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (2)	2.367.013.022
Phải thu cổ phần hóa	498.000.000
Thu hoàn thuế tái xuất xăng dầu	16.204.817.873
Đền bù giải tỏa kho Thốt Nốt	14.337.441.115
S.D.M SCARL (BERTOLINI SPA)	1.358.229.600
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.444.381.504
Phải thu khác	1.246.693.528
	210.242.090.001

Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

- (1) Đây là khoản lỗ lũy kế từ thời điểm đánh giá lại giá trị doanh nghiệp 30 tháng 6 năm 2010 đến 18 tháng 5 năm 2011 theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần. Khoản lỗ này vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết toán liên quan đến vốn đầu tư (với tư cách chủ sở hữu).
- (2) Khoản lợi nhuận của hoạt động Xí nghiệp Cát Lái phải chia cho Bộ tư lệnh Hải quân tương ứng với phần chi phí khấu hao tăng sau khi đánh giá lại tài sản tại Xí nghiệp Cát Lái thuộc đồng sở hữu của Công ty và Bộ Tư lệnh Hải quân khi cổ phần hóa doanh nghiệp. Khoản tiền này có thể thay đổi sau khi Bộ tư lệnh Hải quân và Công ty thống nhất với giá trị đánh giá lại này.

Phải thu cổ phần hóa

Chi phí phát sinh liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp còn phải thu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

9. HÀNG TỒN KHO

31/12/2011

VND

Nguyên liệu, vật liệu	2.605.869.712
Công cụ, dụng cụ	162.904.381
Hàng hoá	1.008.203.202.385
<i>Trong đó: hàng dự trữ quốc gia</i>	<i>159.943.667.574</i>
Hàng gửi đi bán	1.053.688.374
Cộng	1.012.025.664.852
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	
	1.012.025.664.852

Hàng dự trữ Quốc gia

Giá trị hàng dự trữ quốc gia là hàng xăng dầu của Cục Dự trữ Quốc gia mà Công ty đã giữ hộ, được thực hiện theo Thông tư số 213/2009/TT-BTC ngày 10/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho dự trữ nhà nước.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiên trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Chuyển từ Công ty TNHH MTV khi cổ phần hóa	220.858.183.275	18.508.993.774	46.750.548.772	1.843.724.553	1.154.320.192	289.115.770.566
Mua trong kỳ	746.982.592	1.317.756.109	2.060.558.812	1.906.197.549	-	6.031.495.062
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	367.421.396.983	-	-	-	-	367.421.396.983
Chuyển tài sản đầu tư dưới hình thức liên doanh hoạt động	(8.363.189.650)	(32.994.611)	(865.000.000)	-	-	(9.261.184.261)
Thanh lý, nhượng bán	(12.891.501.028)	-	(219.688.500)	-	-	(13.111.189.528)
Tại ngày 31/12/2011	567.771.872.172	19.793.755.272	47.726.419.084	3.749.922.102	1.154.320.192	640.196.288.822
GIÁ TRỊ HAO Mòn LŨY KẾ						
Chuyển từ Công ty TNHH MTV sang khi cổ phần hóa	98.156.152.944	11.578.408.206	32.373.265.635	563.737.485	671.739.883	143.343.304.153
Khấu hao trong kỳ	16.169.179.955	1.188.432.523	2.654.693.659	468.680.603	26.934.117	20.507.920.857
Chuyển tài sản đầu tư dưới hình thức liên doanh hoạt động	(4.058.647.645)	(26.395.689)	(574.806.117)	-	-	(4.659.849.451)
Thanh lý, nhượng bán	(6.839.606.417)	-	(181.105.221)	-	-	(7.020.711.638)
Tại ngày 31/12/2011	103.427.078.837	12.740.445.040	34.272.047.956	1.032.418.088	698.674.000	152.170.663.921
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	464.344.793.335	7.053.310.232	13.454.371.128	2.717.504.014	455.646.192	488.025.624.901

Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành:

Trong giai đoạn, Công ty đã nhận bàn giao công trình Kho cảng xăng dầu Cái Mép giai đoạn 1 hình thành từ xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị tạm tính là 359.326.334.644 đồng theo Quyết định số 000209/TCT-TCKT ngày 30/12/2011 của Tổng Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Khấu hao trong kỳ được ghi nhận:

Chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	20.479.302.398
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định	26.934.117
Đầu tư xây dựng cơ bản	1.684.342

Tại thời điểm 31/12/2011, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.799.719.552 đồng.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Chuyển từ Công ty TNHH MTV sang khi cổ phần hóa	227.037.611.346
Chuyển từ mua sắm tài sản	<u>7.878.150.000</u>
Tại ngày 31/12/2011	234.915.761.346
KHẤU HAO LŨY KẾ	
Chuyển từ Công ty TNHH MTV sang khi cổ phần hóa	297.989.446
Trích khấu hao trong giai đoạn	<u>13.231.410</u>
Tại ngày 31/12/2011	311.220.856
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2011	234.604.540.490

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2011 <u>VND</u>
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	52.120.243.543
Kho cảng xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (giai đoạn 2)	51.297.699.048
Khu đất Đầm Bà Tài - TP. Hải Phòng	674.743.879
Kho Phú Định	<u>147.800.616</u>
Mua sắm tài sản cố định	41.318.904.222
Mua cửa hàng xăng dầu	41.183.935.804
Chiết nạp ga Tuyên Quang	43.763.840
Trạm pha chế xăng E5	<u>91.204.578</u>
	93.439.147.755

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi
loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B-09-DN

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Vốn điều lệ của các công ty con, tỷ lệ sở hữu và tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký 31/12/2011 <u>VND</u>	Vốn đã góp 31/12/2011 <u>VND</u>	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec	26.500.000.000	17.507.510.128	62%	62%
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	30.000.000.000	24.256.787.384	59%	59%
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	25.500.000.000	17.827.586.137	65%	65%
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long	10.000.000.000	40.000.000.000	100%	100%
	99.591.883.649			

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec	Tỉnh Thanh Hóa	61,91	61,91	Kinh doanh xăng dầu, ô tô, xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, nhiên liệu.
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	Thành phố Hồ Chí Minh	58,75	58,75	Kinh doanh xăng dầu, cà phê
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	Tỉnh Nam Định	65,00	65,00	Kinh doanh xăng dầu, kim khí, hóa chất.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	100	100	Kinh doanh kho

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

31/12/2011
VND

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty Cổ phần PETEC Bình Định	17.018.550.356
Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu	17.991.193.066
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Giang	2.121.130.462
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	27.387.133.149
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Miền Nam	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	10.191.180.883
	84.709.187.916

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần PETEC Bình Định	Tỉnh Bình Định	31,54	31,54	Xăng dầu, xi măng
Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	44,72	44,72	Xăng dầu, bách hóa
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Giang	Tỉnh Hà Giang	25,48	25,48	Xăng dầu, muối iot, dầu hỏa
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	27,00	27,00	Xăng dầu, vật tư
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	20,00	20,00	Kinh doanh vận tải, kho bãi
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	Thành phố Hồ Chí Minh	26,00	26,00	Bất động sản và kinh doanh xăng dầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

31/12/2011
VNĐ

Đầu tư chứng khoán	106.204.680.800
+ Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	89.552.445.800
+ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000
+ Công ty Cổ phần vật tư xăng dầu	11.915.625.000
Đầu tư góp vốn	101.350.133.342
+ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	6.495.547.032
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức	32.060.760.000
+ Công ty Cổ phần Âu Lạc	24.424.732.914
+ Công ty Cổ phần Kho vận Petec	14.199.316.867
+ Công ty Cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai	1.166.978.529
+ Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	23.002.798.000
Đầu tư dài hạn khác	4.656.345.927
	212.211.160.069
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(21.172.200.000)
	191.038.960.069

Đầu tư dài hạn khác thể hiện hợp đồng liên kết đầu tư số 10/2009/HĐ-LKĐT và phụ lục số 01, 02 với Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu và Công ty Cổ phần Kho vận Petec dưới hình thức góp vốn đầu tư xây dựng, khai thác và kinh doanh kho cảng xăng dầu Long An, trong đó Công ty góp vốn bằng giá trị tài sản cố định trên đất, giá trị quyền sử dụng đất trong suốt thời gian hợp đồng (20 năm), phương tiện vận tải và tiền mặt với tổng giá trị là 14.835.000.000 đồng. Tài sản trên đất hình thành từ hợp đồng này được sở hữu bởi 3 nhà đầu tư theo tỷ lệ góp vốn để đầu tư tài sản cố định hữu hình.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

31/12/2011
VNĐ

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa	282.190.020.720
Chi phí dài hạn khác	21.856.919.461
	304.046.940.181

17. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

31/12/2011
VNĐ

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.394.258.242.492
Ngân hàng TNHH MTV ANZ	92.124.326.800
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	74.814.176.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - SGD1	220.999.951.192
	1.782.196.696.484

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0115/KH/11NH ngày 30/05/2011 với hạn mức vay là 2.800.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất cho vay ưu đãi theo thỏa thuận được thể hiện trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này không có đảm bảo.

Vay ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng ký ngày 04/09/2009 với hạn mức vay 14.000.000 USD, để bổ sung vốn nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu, thời hạn vay là 1 năm kể từ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi
loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

ngày ký hợp đồng, lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo.

Vay ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0083/2011/HDTD1-OCEANBANK03 ngày 22/12/2011 với hạn mức vay là 600.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương, để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

Vay ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - SGD1 theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201101912 ngày 01/04/2011 với hạn mức vay 600.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương, để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay của ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

31/12/2011

VND

Petrolimex Singapore	156.748.198.082
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	2.344.675.957.419
Công ty Cổ phần Âu Lạc	7.261.068.672
Công ty Cổ phần LILAMA 45.4	5.433.648.223
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy tại TP.HCM	5.309.548.191
Công ty Cổ phần MCO Việt Nam	4.977.173.339
Công ty Cổ phần XD & PT Đô thị tinh Bà Rịa-Vũng Tàu	4.224.163.872
Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu- ĐN	4.075.483.764
DNTN Sơn Ca - Bình Thuận	4.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	39.544.013.918
	2.576.249.255.480

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

31/12/2011

VND

Thuế giá trị gia tăng	6.313.917.936
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	24.463.313.454
Thuế thu nhập cá nhân	3.854.174.387
Các khoản phí và lệ phí	105.196.744.750
	139.828.150.527

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

31/12/2011

VND

BHXH, BHYT và KPCĐ	1.274.803.829
Bộ tư lệnh Hải Quân	2.499.587.634
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.367.013.022
Tổng Công ty PV OIL	6.964.780.386
Phải trả khác CBCNV	12.828.848.207
Phải trả khác	905.852.895
	26.840.885.973

Phải trả Bộ tư lệnh Hải Quân thể hiện khoản lợi nhuận năm 2011 từ hoạt động kinh doanh tại Xí nghiệp Petec Cát Lái phải tạm tính phải thanh toán cho Bộ Tư Lệnh Hải quân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN (QUÝ DỰ TRƯỚC QUỐC GIA)

Đây là số tiền phải trả tương ứng với giá trị hàng xăng dầu của Cục Dự trữ Quốc gia mà Công ty đã giữ hộ, được thực hiện theo Thông tư số 213/2009/TT-BTC ngày 10/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kê toán áp dụng cho dự trữ nhà nước. Giá trị ghi nhận phải trả tương ứng với giá trị hàng tồn kho được trình bày tại thuyết minh số 9.

Từ 18/5/2011
 đến 31/12/2011
VND

Số dư đầu giai đoạn	-
Chuyển từ Công ty TNHH MTV sang khi cổ phần hóa	160.157.195.645
Hao hụt trong giai đoạn	(213.528.071)
Số dư cuối năm	159.943.667.574

22. QUÝ BÌNH ÔN XĂNG DẦU

Từ 18/5/2011
 đến 31/12/2011
VND

Số dư đầu giai đoạn	-
Chuyển từ Công ty TNHH MTV sang khi cổ phần hóa	(103.084.826.510)
Trích quỹ trong giai đoạn	302.934.409.900
Sử dụng quỹ trong giai đoạn	(127.768.307.760)
Số dư cuối năm	72.081.275.630

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu

	31/12/2011	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành	260.000.000	2.600.000.000.000
Đã góp vốn	248.877.470	2.488.774.701.456
Chưa góp	11.122.530	111.225.298.544

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam góp đủ do chưa thực hiện quyết toán vốn liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại và Kỹ thuật Đầu tư.

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phiếu phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi
loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/12/2011 như sau:

	Vốn đã góp 31/12/2011 <u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.353.025.701.456
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Dương	64.792.860.000
Công ty Cổ phần Kho vận PETEC	5.490.270.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Hà Nội	3.787.680.000
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn	3.388.970.000
Nguyễn Văn Tuấn	2.990.270.000
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Vũng Tàu	2.790.920.000
Công ty Cổ phần BDS và Kỹ Thuật Xăng Dầu	2.491.890.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức	1.993.510.000
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	1.993.510.000
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Nhà Rồng	1.993.510.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và TM Hải Bình	1.495.130.000
Công ty Cổ phần Âu Lạc	1.000.000.000
Cổ đông khác	41.540.480.000
Tổng cộng	2.488.774.701.456

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái <u>VND</u>	Lỗ lũy kế <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Góp vốn trong giai đoạn	2.488.774.701.456	-	-	2.488.774.701.456
Chênh lệch tỷ giá	-	(10.748.496.413)	-	(10.748.496.413)
Chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(355.000.000)	(355.000.000)
Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	-	-	(6.442.148.705)	(6.442.148.705)
Lỗ trong giai đoạn	-	-	(89.447.441.112)	(89.447.441.112)
Số dư tại ngày 31/12/2011	2.488.774.701.456	(10.748.496.413)	(96.244.589.817)	2.381.781.615.226

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30 tháng 6 năm 2010, Quyết định số 3077/QĐ-DKVN ngày 24 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty và Quyết định số 3080/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thành công ty Cổ phần. Trong năm, Công ty đã ghi nhận tăng phần vốn góp bằng tài sản và nợ phải trả từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec đối với phần vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là 2.353.025.701.456 đồng và phần vốn góp của các cổ đông khác là 135.749.000.000 đồng.

Căn cứ theo hợp đồng liên doanh số 58/HĐKT ngày 20 tháng 11 năm 1991 giữa Bộ Tư lệnh Hải Quân và Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec, tài sản tại Xí nghiệp Xăng dầu Cát Lái hình thành từ liên doanh này sẽ thuộc đồng sở hữu của Công ty và Bộ Tư lệnh Hải Quân. Khi hết thời hạn liên doanh, giá trị tài sản này sẽ được xác định và phân chia 50/50 cho các bên liên doanh và Bộ Tư lệnh Hải Quân được ưu tiên mua lại tài sản này. Tuy nhiên, theo quyết định số 1020/QĐ-DKVN ngày 7/5/2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec, tại thời điểm 30/6/2010 giá trị còn lại của tài sản Xí nghiệp Cát Lái là 5.817.154.813 đồng đã được Công ty tổ chức định giá xác định lại là tương đương 44.011.244.211 đồng. Toàn bộ giá trị tài sản tăng thêm 38.194.089.398 đồng do đánh giá đã được ghi tăng nguồn vốn của Công ty (thuộc sở hữu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam). Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty, Bộ Tư Lệnh Hải quân và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa thống nhất hướng xử lý khoản chênh lệch tăng thêm này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, lỗ chênh lệch tỷ giá hồi đoái chưa thực hiện của Công ty là 10.748.496.413 đồng.

Lợi nhuận chia cho bên liên doanh được Công ty tạm tính trên cơ sở hoạt động liên doanh với Bộ Tư lệnh Hải Quân và cây xăng Thanh Hóa với số tiền là 6.442.148.705 đồng. Trong năm, số lợi nhuận trên đã được thanh toán một phần cho Bộ Tư Lệnh Hải Quân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu, hoạt động khác là kinh doanh cao su, chè, cà phê, tiêu, điều và cho thuê kho bãi. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan chủ yếu đến hoạt động kinh doanh chính.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Nam và Miền Trung. Ban xây dựng được đặt tại Miền Nam (văn phòng Công ty). Hoạt động kinh doanh tổng hợp chủ yếu được thực hiện tại Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

Từ 18/5/2011
đến 31/12/2011
VND

Miền Nam	
Chi nhánh Cần Thơ	10.571.245.564.924
Chi nhánh Long An	20.444.389.804
Văn phòng Công ty	307.642.859.842
Xí nghiệp Xăng dầu Cát Lái	4.212.986.161.317
Chi nhánh Cà Mau	371.985.466
Chi nhánh Bạc Liêu	672.440.976.731
Chi nhánh Hậu Giang	250.120.750.668
Chi nhánh Tây Ninh	162.399.240.736
Chi nhánh Vĩnh Long	7.612.860.000
Chi nhánh Sài Gòn	327.433.804.233
Chi nhánh Vũng Tàu	4.259.713.809.534
Xí nghiệp Xăng dầu Cái Mép	350.073.535.717
Miền Trung	5.190.876
Chi nhánh Đà Nẵng	1.669.216.959.747
Chi nhánh Bình Thuận	706.706.408.002
Chi nhánh Ninh Thuận	678.996.367.000
Chi nhánh Bình Định	70.574.895.000
Xí nghiệp Xăng dầu Hòa Hiệp	206.271.167.750
Chi nhánh Quảng Nam	-
Chi nhánh Quảng Trị	6.665.133.095
Miền Bắc	2.988.900
Chi nhánh Hà Nội	5.641.356.528.055
Chi nhánh Hải Phòng	2.041.543.701.341
Xí nghiệp Xăng dầu An Hải	2.719.142.069.048
Chi nhánh Thái Bình	95.209.289.002
	785.461.468.664
	<u>17.881.819.052.726</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận	Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình
	31/12/2011	31/12/2011
	VND	VND
Miền Nam	4.912.603.922.618	371.520.139.197
Miền Trung	262.055.544.779	1.347.996.355
Miền Bắc	1.989.389.324.178	8.462.906.493
	7.164.048.791.575	381.331.042.045

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa xăng dầu	17.618.085.595.241
Doanh thu bán hàng kinh doanh tổng hợp	256.877.879.342
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.855.578.143
	17.881.819.052.726

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 VND
Giá vốn của xăng dầu đã bán	17.092.813.653.332
Giá vốn của hàng hóa đã bán	256.438.683.588
Hao hụt trong định mức hàng tồn kho xăng dầu	86.946.094.806
Trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu	175.166.102.140
	17.611.364.533.866

Hao hụt trong định mức mặt hàng xăng dầu

Được áp dụng theo quyết định số 758/VT-QĐ ngày 13 tháng 4 năm 1986 của Bộ Vật tư.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Từ 18/5/2011 đến 31/12/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.824.815.138
Chi phí nhân công	76.107.034.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.492.533.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.659.441.860
Chi phí khác (trong đó phân bổ lợi thế thương mại 18.903.956.153 đồng)	46.453.653.235
	212.537.478.986

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi
loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**28. THÔNG TIN VỀ QUỸ LƯƠNG**

Doanh thu tính lương và quỹ lương từ ngày 18/5/2011 đến ngày 31/12/2011 :
(Theo quyết định số 000969/QĐ-PTC ngày 10/02/2012 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty)

Quỹ lương của người lao động :

Chi tiêu

	Số tiền VND
1- Tổng doanh thu	17.925.742.951.933
2- Doanh thu không tính lương (*)	7.761.242.932
3- Doanh thu tính lương (1)-(2)	17.917.981.709.001
4- Doanh thu xây dựng đơn giá tiền lương	14.803.000.000.000
5- Tiền lương theo doanh thu kế hoạch	67.261.000.000
6- Tiền lương theo doanh thu vượt kế hoạch	622.779.522
Từ trên 100% đến dưới 110% doanh thu kế hoạch	336.250.145
Từ trên 110% đến dưới 120% doanh thu kế hoạch	269.000.116
Từ trên 120% doanh thu kế hoạch trở lên	17.529.261
7- Tổng quỹ lương theo doanh thực hiện	67.883.779.522

Quỹ lương Người đại diện của Tập đoàn tại Tổng công ty: 1.914.000.000 đồng;

Tổng quỹ lương từ ngày 18/5/2011 đến ngày 31/12/2011: 69.798.000.000 đồng;

(*) Doanh thu không tính lương bao gồm : đèn bù giải tỏa mặt bằng, hàng vay mượn.

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Từ 18/5/2011
đến 31/12/2011
VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.388.230.866
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.282.444.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.275.474.786
	<u>39.946.150.152</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Từ 18/5/2011
đến 31/12/2011
VND

Lãi tiền vay	115.547.741.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.427.642.193
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí khác	21.178.416.344
	<u>185.153.800.296</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

31. LỖ KHÁC

Từ 18/5/2011
đến 31/12/2011
VND

Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.730.504.404
Thu chênh lệch từ đánh giá tài sản góp vốn hoạt động liên doanh	50.556.117
Thuế GTGT hàng nhập khẩu được hoàn	1.404.899.736
Thu lãi trả chậm, lãi tiền phạt và thu tiền điện	444.818.560
Thu hồi công nợ phải thu khó đòi	346.970.238
Thu nhập khác	3.977.749.055
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(5.549.069.249)
Xử lý chênh lệch đánh giá lại TSCĐ nhà văn phòng	(541.408.641)
Chi phí khác	(44.102.007)
Chi phí khác	(6.134.579.897)
Lỗ khác	(2.156.830.842)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Từ 18/5/2011
đến 31/12/2011
VND

Lỗ trước thuế	(89.447.441.112)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	20.927.484.719
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	106.433.975
Lỗ tính thuế	(110.268.491.856)
Thuế suất thông thường	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 375.284.173.111 đồng (bao gồm: 110.268.491.856 đồng của giai đoạn từ 18 tháng 5 năm 2011 đến 31 tháng 12 năm 2011 và 265.015.681.255 đồng của giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2011 đến 18 tháng 5 năm 2011) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm

Các khoản lỗ tính
thuế
VND

2016

375.284.173.111

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi
loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. LỖ SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Lợi nhuận sau thuế của hợp đồng liên doanh thuộc về Bộ tư lệnh Hải Quân và Cây xăng Thanh Trì	(95.889.589.817)
---	------------------

Từ 18/5/2011
đến 31/12/2011
VND

<u>6.442.148.705</u>	
----------------------	--

<u>(89.447.441.112)</u>	
-------------------------	--

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lỗ trong năm Lợi nhuận chia cho bên liên doanh hoạt động Lỗ thuộc về cho cổ đông Công ty Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu <u>Số cổ phiếu</u>	(89.447.441.112) 6.442.148.705 (95.889.589.817) <u>(95.889.589.817)</u>
--	--

Từ 18/5/2011
đến 31/12/2011
VND

<u>6.442.148.705</u>	
----------------------	--

<u>(95.889.589.817)</u>	
-------------------------	--

31/12/2011
VND

Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông Lãi cơ bản trên cổ phiếu	154.781.331 <u>(620)</u>
--	-----------------------------

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIỀU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã ký một số hợp đồng cam kết mua máy móc, tài sản cố định
hữu hình và quyền sử dụng đất với cho hoạt động trong tương lai như sau:

Mua cây xăng Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	30.266.271.062 1.531.727.273 <u>31.797.998.335</u>
--	--

31/12/2011
VND

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần và lô lũy kê).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2011 <u>VND</u>
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	869.570.196.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.416.416.201.001
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	110.861.026.727
Tài sản khác	85.000.000
Tổng	4.396.932.424.261

Công nợ tài chính

Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.782.196.696.484
Vay và nợ ngắn hạn	2.604.706.271.453
Tổng	4.386.902.967.937

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản 31/12/2011 <u>VND</u>	Nợ phải trả 31/12/2011 <u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	74.713.118.830	1.791.919.589.662
Euro (EUR)	4.555.247.680	-
Đô la Singapore (SGD)	7.864.088	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi
loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn vào khoản phải thu khách hàng liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu (xem thuyết minh số 6).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Phải trả người bán và phải trả khác	2.603.090.141.453	1.616.130.000	2.604.706.271.453
Các khoản vay	1.782.196.696.484	-	1.782.196.696.484

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	869.570.196.533	-	869.570.196.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.413.866.004.909	2.550.196.268	3.416.416.201.001
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	110.861.026.727	110.861.026.727
Tài sản khác	85.000.000	-	85.000.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi

loại hình doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ ĐU' VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Từ 18/5/2011
đến 31/12/2011
VND

Bán hàng**Bán hàng và dịch vụ cho Công ty con**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec	474.148.887.137
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	430.131.257.358
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	181.847.205.401
Công ty Cổ phần Bất động sản & Khai thác Xăng dầu (PETEC LAND)	38.734.244.096

Bán hàng và dịch vụ cho Công ty liên kết

Công ty Cổ phần PETEC Bình Định	206.271.167.750
Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu	250.120.750.668
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	678.996.367.000
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	319.357.098.759

Bán hàng cho trong cùng tập đoàn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	<u>7.774.462.025</u>
-----------------------------------	----------------------

Bán hàng và dịch vụ cho Công ty có Petec là cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	672.440.976.731
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức	408.264.092.798
Công ty Cổ phần Xăng dầu COMECO	678.513.074.606
Công ty Cổ phần Âu Lạc	12.955.926.024
Công ty Cổ phần VLXD & Chất dót Đồng Nai	279.360.100.600

Mua hàng**Công ty mua hàng hóa từ các Công ty trong cùng tập đoàn**

Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	11.023.721.796.523
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	<u>13.260.954.865</u>

Công ty sử dụng dịch vụ của các Công ty trong cùng tập đoàn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC)	10.152.379.273
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam	<u>4.102.560.322</u>

Công ty sử dụng dịch vụ từ các Công ty có Petec là cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	10.148.192.745
Công ty Cổ phần Âu Lạc	<u>31.678.500.240</u>

Công ty sử dụng dịch vụ từ các Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Petec Bình Định	<u>111.557.980</u>
---------------------------------	--------------------

Vay – Tài chính Dầu khí (PVFC)

Vay trong năm	289.890.297.294
Trả nợ vay trong năm	289.890.297.294
Lãi vay phải trả	<u>10.152.379.273</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư với các bên liên quan:

31/12/2011
 VNĐ

Các khoản phải thu

Công ty con	257.294.005.465
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec	85.643.302.669
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	102.931.695.278
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	52.297.079.442
Công ty Cổ phần Bất động sản & Khai thác Xăng dầu (PETEC LAND)	<u>16.421.928.076</u>

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần PETEC Bình Định	176.592.943.564
Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu	34.999.287.273
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	38.416.232.291
	<u>103.177.424.000</u>

Công ty trong cùng tập đoàn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.447.452.871
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (vay dầu)	<u>4.432.911.869</u>

Công ty có Petec là cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	154.669.479.709
Công ty Cổ phần Âu Lạc	61.084.317.653
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức	2.389.479.405
Công ty Cổ phần Xăng dầu COMECO	48.062.181.501
	<u>43.133.501.150</u>

Các khoản phải trả

Công ty con	557.985.432
Công ty Cổ phần An Pha Vĩnh Long	<u>557.985.432</u>

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần PETEC Bình Định	36.742.020
	<u>36.742.020</u>

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Bảo Hiểm Dầu Khí TPHCM (PVI)	2.353.336.708.303
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	1.695.970.498
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) (hàng vay)	2.344.675.957.419
	<u>6.964.780.386</u>

Công ty có PETEC là cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	8.984.666.197
Công ty Cổ phần Âu Lạc	<u>1.723.597.525</u>
	<u>7.261.068.672</u>

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong giai đoạn như sau:

Từ 18/5/2011
 đến 31/12/2011
 VNĐ

Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác

5.776.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính lập cho năm tài chính từ khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp ngày 18 tháng 5 năm 2011 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa từ doanh nghiệp cũ trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số phát sinh của doanh nghiệp mới. Theo đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty dưới hình thức cổ phần và không có số liệu so sánh được trình bày.



Nguyễn Duyên Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Anton Tamme

Huỳnh Đức Trường
Kế toán trưởng



Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

© 2011 Deloitte Việt Nam

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 11, Phòng 1101, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750